

Số: 641/QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học”;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên”;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 15 tháng 01 năm 2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 140 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh Quốc gia tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 15/01/2017 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi Điều 1 được nhận Chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh trình độ B và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./. *như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT-LTT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 15/1/2017
(Kèm theo Quyết định số 641.../QĐ-LTT-TTĐT ngày 04.../7.../2017
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
1	BK090001	14D2010023	Nguyễn Thành An	20/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	7,5	Khá
2	BK090002	14D2050045	Bùi Tuấn Anh	22/03/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT01	6,0	Trung bình
3	BK090003	13D2050278	Đặng Tuấn Anh	15/01/1995	Bình Định	14CĐ-OT05	6,0	Trung bình
4	BK090004	14D201M006	Trần Thế Anh	09/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	7,0	Khá
5	BK090005	14D2060001	Nguyễn Văn Bảo	19/06/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình
6	BK090006	14D2050053	Trần Quốc Bảo	01/12/1996	Bến Tre	14CĐ-OT04	6,5	Trung bình
7	BK090007	14D2010031	Đặng Hữu Cảnh	25/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	6,5	Trung bình
8	BK090008	14D2060006	Trần Minh Châu	16/12/1996	Trà Vinh	14CĐ-NL01	7,0	Khá
9	BK090009	14D201P016	Nguyễn Ngọc Có	27/07/1996	Đồng Tháp	14CĐ-TP01	6,5	Trung bình
10	BK090010	14D2060007	Trần Quang Cường	31/12/1996	Ninh Thuận	14CĐ-NL01	7,0	Khá
11	BK090011	14D2050058	Ân Hữu Cường	04/04/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	7,5	Khá
12	BK090012	14D201P003	Nguyễn Thành Đạt	01/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	7,0	Khá
13	BK090013	14D2050010	Nguyễn Tiến Đạt	13/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	7,0	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
14	BK090014	14D201P020	Phùng Tấn Đạt	04/08/1996	Đắk Nông	14CĐ-TP01	6,5	Trung bình
15	BK090015	14D3010020	Phan Đình Nguyễn Diệm	11/01/1995	Đồng Nai	14CĐ-ĐT01	6,5	Trung bình
16	BK090016	14D2050064	Hồ Diễm	08/09/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
17	BK090017		Nguyễn Thanh Dinh	18/06/1994	Bình Thuận	12CĐ-Đ1	6,0	Trung bình
18	BK090018	13D2050018	Bùi Công Doãn	20/04/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-OT05	6,5	Trung bình
19	BK090019	14D2010186	Đỗ Huỳnh Đức	07/12/1996	Vĩnh Long	14CĐ-CK01	6,5	Trung bình
20	BK090020	13D2050042	Nguyễn Văn Đức	12/07/1995	Quảng Ngãi	13CĐ-Ô1	7,0	Khá
21	BK090021	14D201P079	Nguyễn Vũ Đông Đức	26/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
22	BK090022	14D2050084	Trần Anh Đức	16/12/1994	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
23	BK090023	14D2050006	Dịp Chí Dũng	23/08/1996	Đồng Nai	14CĐ-OT01	6,0	Trung bình
24	BK090024	14D301Đ001	Lê Khắc Dũng	10/05/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐC01	5,5	Trung bình
25	BK090025	14D2050290	Nguyễn Tuấn Dũng	19/05/1996	Bắc Giang	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
26	BK090026	14D2050262	Nguyễn Xuân Dũng	04/12/1996	Thái Bình	14CĐ-OT04	6,0	Trung bình
27	BK090027	13D2050043	Nguyễn Minh Được	31/12/1995	Tây Ninh	14CĐ-OT05	5,5	Trung bình
28	BK090028	14D2050070	Phạm Đình Duy	19/03/1993	Đồng Nai	14CĐ-OT05	6,0	Trung bình
29	BK090029	14D2060009	Phạm Trường Duy	20/12/1995	Bến Tre	14CĐ-NL01	7,0	Khá
30	BK090030	14D2050008	Trần Anh Duy	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	7,0	Khá
31	BK090031	14D3010025	Trần Ng Phương Duy	31/07/1996	Long An	14CĐ-ĐT02	7,0	Khá
32	BK090032	14D2060010	Võ Đức Duy	25/09/1996	Vĩnh Long	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
33	BK090033	14D2050086	Phan Vũ Trường Giang	09/09/1996	Bình Dương	14CĐ-OT01	7,0	Khá
34	BK090034	14D201M018	Lê Thanh Hải	22/12/1995	Gia Lai	14CĐ-TM01	6,5	Trung bình
35	BK090035	14D2050088	Lê Văn Hải	03/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
36	BK090036	14D2050090	Nguyễn Thanh Hải	07/07/1996	Bình Định	14CĐ-OT05	6,0	Trung bình
37	BK090037	14D201P022	Từ Chí Hải	05/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	7,0	Khá
38	BK090038	14D301Đ005	Nguyễn Vĩnh Hào	29/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	6,5	Trung bình
39	BK090039	14D2060012	Nguyễn Văn Hậu	19/04/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình
40	BK090040	14D301Đ042	Phùng Văn Hiền	19/11/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
41	BK090041	14D2050098	Huỳnh Trung Hiếu	27/08/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	5,0	Trung bình
42	BK090050	14D201M020	Trần Văn Hồng	14/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-TM01	5,5	Trung bình
43	BK090051	14D2050103	Trần Ngọc Huân	01/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
44	BK090052	13D201P028	Nguyễn Huệ	04/12/1995	Quảng Ngãi	13CĐ-TP2	5,5	Trung bình
45	BK090055	14D2040016	Huỳnh Ngọc Lan Hương	20/08/1996	Cần Thơ	14CĐ-MT01	6,0	Trung bình
46	BK090056	14D2060003	Nguyễn Hoàng Đức Huy	05/04/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	5,5	Trung bình
47	BK090059	14D201M021	Rhàng Wàng Thu Khâm	12/09/1995	Lâm Đồng	14CĐ-TM01	5,5	Trung bình
48	BK090060	14D2050120	Nguyễn Hoàng Phi Khanh	16/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
49	BK090063	14D2010007	Phạm Thanh Khoa	27/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	5,5	Trung bình
50	BK090064	14D201P069	Trần Đăng Khoa	15/09/1995	Tiền Giang	14CĐ-TP02	5,5	Trung bình
51	BK090065	14D2060015	Trần Nhật Khoa	17/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
52	BK090067	14D3010046	Nguyễn Chí Kiệt	15/12/1995	Tiền Giang	14CĐ-ĐT02	5,0	Trung bình
53	BK090068	13D201P122	Vương Nguyễn Tường Lâm	28/09/1994		14CĐ-TP02	5,0	Trung bình
54	BK090072	14D201M023	Võ Tiến Long	10/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	5,0	Trung bình
55	BK090073	14D2050133	Nguyễn Xuân Lượng	23/08/1990	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
56	BK090075	14D201P036	Đặng Công Minh	13/06/1992	Bến Tre	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
57	BK090076	14D201P070	Dương Triển Minh	04/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	6,5	Trung bình
58	BK090078	14D2050143	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	5,0	Trung bình
59	BK090085	14D2050291	Phan Văn Pháp	14/07/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
60	BK090086	14D3010067	Nguyễn Phát	05/06/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT02	5,5	Trung bình
61	BK090087	14D201P040	Nguyễn Tiến Phi	04/11/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
62	BK090088	14D2060022	Lê Hồng Phong	19/02/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình
63	BK090089	14D2040026	Kiều Thanh Phú	04/06/1996	Cần Thơ	14CĐ-MT01	5,0	Trung bình
64	BK090090	14D201P041	Ngô Thị Phúc	12/02/1995	Đắk Lắk	14CĐ-TP02	5,0	Trung bình
65	BK090092		Trần Hữu Quân	28/07/1996	Bình Thuận		5,5	Trung bình
66	BK090094	14D3010072	Đoàn Việt Quang	15/12/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT02	5,0	Trung bình
67	BK090095	14D2050285	Hồ Vũ Quát	18/03/1995	Quảng Nam	14CĐ-OT04	5,5	Trung bình
68	BK090096	14D2050170	Phạm Trung Quý	21/05/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
69	BK090098	14D2040027	Phạm Thị Hồng Quyên	04/03/1996	Long An	14CĐ-MT01	5,0	Trung bình
70	BK090102	14D2010120	Trần Minh Sang	04/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-CK03	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
71	BK090103	14D201P044	Trương Tấn Sang	21/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
72	BK090104	14D3010078	Huỳnh Thế Sơn	14/04/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT02	5,5	Trung bình
73	BK090105	12D301Đ116	Nguyễn Văn Sơn	30.01.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	5,0	Trung bình
74	BK090106	14D2050269	Trần Quốc Sơn	21/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	6,0	Trung bình
75	BK090107	14D2060027	Lê Hoàng Sự	09/01/1996	Ninh Thuận	14CĐ-NL01	6,0	Trung bình
76	BK090108	14D201P007	Nguyễn Thành Tâm	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,5	Trung bình
77	BK090109	14D2050039	Nguyễn Lê Minh Tân	23/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	5,5	Trung bình
78	BK090110	14D2050185	Nguyễn Quốc Tân	08/06/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	5,0	Trung bình
79	BK090111	14D2010123	Nguyễn Thanh Tây	30/12/1996	Vĩnh Long	14CĐ-CK03	6,0	Trung bình
80	BK090112	14D201P048	Nguyễn Văn Tây	22/05/1996	Bình Định	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
81	BK090113	14D2050186	Trần Ngọc Thạch	02/07/1996	Gia Lai	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
82	BK090114	14D2050188	Đặng Minh Thắng	22/09/1996	An Giang	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
83	BK090115	14D3010011	Nguyễn Viết Thắng	27/08/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT01	5,0	Trung bình
84	BK090116	14D2050193	Tô Đức Thắng	14/08/1995	Kiên Giang	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
85	BK090117	14D201P008	Diệp Thái Thanh	08/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	7,0	Khá
86	BK090118	14D3010082	Dương Văn Thanh	12/08/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	6,5	Trung bình
87	BK090119	14D2010127	Lê Đình Thành	03/09/1995	Long An	14CĐ-CK03	6,0	Trung bình
88	BK090120	14D201P049	Đoàn Minh Thế	17/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	6,5	Trung bình
89	BK090122	14D2050205	Nguyễn Tấn Thanh Thương	11/07/1996	Long An	14CĐ-OT05	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
90	BK090123	13D2050208	Tô Phi Thường	05/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	6,5	Trung bình
91	BK090124	14D2060030	Nguyễn Viết Thuy	01/01/1994	Đồng Nai	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình
92	BK090125	14D301Đ114	Lưu Văn Khánh Tiên	18/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-ĐC01	5,5	Trung bình
93	BK090127	13D2050214	Huỳnh Trọng Tín	22/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	6,0	Trung bình
94	BK090128	14D201P010	Nguyễn Công Tính	31/10/1995	Kiên Giang	14CĐ-TP01	6,0	Trung bình
95	BK090129	14D3010093	Cao Minh Toàn	25/04/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	5,0	Trung bình
96	BK090130	14D201M028	Phạm Minh Toàn	07/12/1995	Đồng Nai	14CĐ-TM01	6,5	Trung bình
97	BK090132	14D3010096	Ngô Minh Trí	19/07/1996	Long An	14CĐ-ĐT02	6,5	Trung bình
98	BK090133	14D2060032	Nguyễn Minh Trí	02/10/1995	Bến Tre	14CĐ-NL01	6,0	Trung bình
99	BK090134	14D2050223	Phạm Hiền Triết	26/10/1996	An Giang	14CĐ-OT03	7,0	Khá
100	BK090135	14D2060034	Bá Quốc Khánh Trình	03/07/1995	Bình Thuận	14CĐ-NL01	6,5	Trung bình
101	BK090136	14D2060036	Lê Văn Trường	14/10/1996	Ninh Bình	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình
102	BK090137	14D2050232	Nguyễn Xuân Trường	10/01/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT05	5,5	Trung bình
103	BK090139	14D3010102	Nguyễn Tú	28/02/1995	Quảng Nam	14CĐ-ĐT02	6,0	Trung bình
104	BK090140	14D3010106	Huỳnh Anh Tuấn	22/11/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT01	5,0	Trung bình
105	BK090141	14D201P056	Lại Văn Tuấn	20/04/1996	Bình Phước	14CĐ-TP01	6,5	Trung bình
106	BK090142	14D201P012	Phạm Đình Tuấn	20/04/1996	Đồng Nai	14CĐ-TP01	7,0	Khá
107	BK090143	14D2050238	Phan Xuân Tuấn	06/01/1994	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	6,5	Trung bình
108	BK090144	14D3010108	Nguyễn Thanh Tùng	11/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐT02	7,0	Khá

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
109	BK090145	14D2010168	Nguyễn Khánh Văn	16/04/1996	Tiền Giang	14CD-CK03	6,5	Trung bình
110	BK090146	14D2050248	Trần Văn Phổ Văn	20/07/1996	Tiền Giang	14CD-OT04	6,0	Trung bình
111	BK090148	14D201M029	Đàm Quốc Vinh	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TM01	6,5	Trung bình
112	BK090149	14D201P061	Lư Bảo Vinh	11/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	6,5	Trung bình
113	BK090150	14D2050252	Ngô Trần Nguyễn B Vinh	29/02/1996	Đồng Nai	14CD-OT03	6,0	Trung bình
114	BK090151	14D2050253	Võ Văn Vinh	10/09/1996	Bình Định	14CD-OT04	6,0	Trung bình
115	BK090152	14D2050255	Lê Vinh Anh Vũ	15/11/1995	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,0	Trung bình
116	BK090153	14D2010172	Nguyễn Chí Vũ	01/06/1996	Bến Tre	14CD-CK03	6,5	Trung bình
117	BK090154	14D2060042	Nguyễn Như Ý	20/08/1995	Bình Thuận	14CD-NL01	6,5	Trung bình
118	BK090155	14D201P001	Trần Huy Bảo	12/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	7,0	Khá
119	BK090156	14D2050078	Trần Huỳnh Phát Đạt	18/01/1995	Tây Ninh	14CD-OT03	6,5	Trung bình
120	BK090157	14D2050099	Trần Minh Hiếu	13/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	7,0	Khá
121	BK090158	14D201P028	Lê Đăng Khoa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	7,5	Khá
122	BK090159	14D201P032	Lê Võ Như Long	21/10/1995	Long An	14CD-TP01	6,5	Trung bình
123	BK090160	14D2050153	Phan Thanh Nhật	25/05/1995	Gia Lai	14CD-OT03	6,5	Trung bình
124	BK090161	14D201P050	Nguyễn Phúc Thịnh	10/08/1995	Ninh Thuận	14CD-TP01	5,5	Trung bình
125	BK090162	14D2050203	Trần Thiện Thịnh	08/05/1996	Quảng Nam	14CD-OT03	5,5	Trung bình
126	BK090163	14D201P009	Nguyễn Văn Hoài Thương	05/09/1996	Vĩnh Long	14CD-TP01	5,5	Trung bình
127	BK090165	14D2050259	Lê Hữu Ý	18/06/1996	An Giang	14CD-OT03	5,0	Trung bình

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
128	BK090166	14D2050198	Nguyễn Ngọc Thiện	21/02/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
129	BK090167	14D2050116	Nguyễn Công Khải	20/06/1996	Đắk Lắk	14CĐ-OT03	5,5	Trung bình
130	BK090168	13D2050169	Nguyễn Ngọc Tài	01/08/1995	Đồng Nai	13CĐ-Ô2	5,0	Trung bình
131	BK090169	14D2050018	Nguyễn Trần Đạo Hưng	04/11/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT01	5,0	Trung bình
132	BK090170	14D2050013	Nguyễn Hùng Hay	12/03/1996	Bình Định	14CĐ-OT01	5,0	Trung bình
133	BK090171	14D2050194	Nguyễn Hữu Thành	31/05/1996	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	5,0	Trung bình
134	BK090172	13D201P100	Lê Ngọc Tuyền	25/08/1994	Bình Thuận	14CĐ-TP01	5,5	Trung bình
135	BK090173	14D301Đ006	Trần Minh Hiếu	07/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	5,0	Trung bình
136	BK090174	14D2060039	Huỳnh Văn Tuấn	21/01/1996	Bình Thuận	14CĐ-NL01	5,0	Trung bình
137	BK090175	14D201M011	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	5,0	Trung bình
138	BK090176	14D2050256	Trần Thanh Vũ	31/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	5,0	Trung bình
139	BK090177	13D2010080	Đỗ Linh Kha	12/12/1994	Tiền Giang	13CĐ-CK3	5,0	Trung bình
140	BK090178	14D2050110	Nguyễn Đình Huy	02/10/1995	Bắc Ninh	14CĐ-OT05	5,5	Trung bình

Tổng cộng danh sách có 140 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - NGÀY 15/1/2017

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
1	BK090001	Nguyễn Thành An	20/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	7,0	7,5	8,0	7,5	Khá
2	BK090002	Bùi Tuấn Anh	22/03/1995	Lâm Đồng	14CD-OT01	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình
3	BK090003	Đặng Tuấn Anh	15/01/1995	Bình Định	14CD-OT05	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình
4	BK090004	Trần Thế Anh	09/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TM01	6,5	6,0	9,0	7,0	Khá
5	BK090005	Nguyễn Văn Bảo	19/06/1996	Bình Định	14CD-NL01	7,0	5,0	6,0	6,5	Trung bình
6	BK090006	Trần Quốc Bảo	01/12/1996	Bến Tre	14CD-OT04	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình
7	BK090007	Đặng Hữu Cảnh	25/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	7,5	5,0	6,0	6,5	Trung bình
8	BK090008	Trần Minh Châu	16/12/1996	Trà Vinh	14CD-NL01	7,5	5,0	7,0	7,0	Khá
9	BK090009	Nguyễn Ngọc Có	27/07/1996	Đồng Tháp	14CD-TP01	6,5	5,0	7,0	6,5	Trung bình
10	BK090010	Trần Quang Cường	31/12/1996	Ninh Thuận	14CD-NL01	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
11	BK090011	Ân Hữu Cường	04/04/1996	Lâm Đồng	14CD-OT04	7,0	8,0	7,0	7,5	Khá
12	BK090012	Nguyễn Thành Đạt	01/11/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	7,0	7,5	7,0	7,0	Khá
13	BK090013	Nguyễn Tiến Đạt	13/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	7,0	6,5	8,0	7,0	Khá
14	BK090014	Phùng Tấn Đạt	04/08/1996	Đắk Nông	14CD-TP01	6,5	7,5	5,0	6,5	Trung bình
15	BK090015	Phan Đình Nguyễn Diệm	11/01/1995	Đồng Nai	14CD-ĐT01	7,0	6,0	6,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
16	BK090016	Hồ Diễm	08/09/1995	Quảng Ngãi	14CD-OT04	6,0	5,0	7,0	6,0	Trung bình
17	BK090017	Nguyễn Thanh Dinh	18/06/1994	Bình Thuận	12CD-Đ1	6,0	5,0	7,0	6,0	Trung bình
18	BK090018	Bùi Công Doãn	20/04/1995	Quảng Ngãi	14CD-OT05	6,5	6,0	7,0	6,5	Trung bình
19	BK090019	Đỗ Huỳnh Đức	07/12/1996	Vĩnh Long	14CD-CK01	7,5	5,5	6,0	6,5	Trung bình
20	BK090020	Nguyễn Văn Đức	12/07/1995	Quảng Ngãi	13CD-Ô1	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
21	BK090021	Nguyễn Vũ Đông Đức	26/04/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-TP01	7,5	5,0	4,0	6,0	Trung bình
22	BK090022	Trần Anh Đức	16/12/1994	Đồng Tháp	14CD-OT04	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
23	BK090023	Dịp Chí Dũng	23/08/1996	Đồng Nai	14CD-OT01	7,0	5,5	5,0	6,0	Trung bình
24	BK090024	Lê Khắc Dũng	10/05/1996	Ninh Thuận	14CD-ĐC01	6,0	5,5	4,0	5,5	Trung bình
25	BK090025	Nguyễn Tuấn Dũng	19/05/1996	Bắc Giang	14CD-OT03	5,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình
26	BK090026	Nguyễn Xuân Dũng	04/12/1996	Thái Bình	14CD-OT04	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
27	BK090027	Nguyễn Minh Được	31/12/1995	Tây Ninh	14CD-OT05	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
28	BK090028	Phạm Đình Duy	19/03/1993	Đồng Nai	14CD-OT05	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
29	BK090029	Phạm Trường Duy	20/12/1995	Bến Tre	14CD-NL01	8,0	5,5	6,0	7,0	Khá
30	BK090030	Trần Anh Duy	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	8,0	5,5	7,0	7,0	Khá
31	BK090031	Trần Ng Phương Duy	31/07.1996	Long An	14CD-ĐT02	7,5	5,0	8,0	7,0	Khá
32	BK090032	Võ Đức Duy	25/09/1996	Vĩnh Long	14CD-NL01	7,5	7,5	4,0	6,5	Trung bình
33	BK090033	Phan Vũ Trường Giang	09/09/1996	Bình Dương	14CD-OT01	7,5	5,5	7,0	7,0	Khá
34	BK090034	Lê Thanh Hải	22/12/1995	Gia Lai	14CD-TM01	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
35	BK090035	Lê Văn Hải	03/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	7,0	5,5	4,0	6,0	Trung bình
36	BK090036	Nguyễn Thanh Hải	07/07/1996	Bình Định	14CĐ-OT05	7,0	6,0	4,0	6,0	Trung bình
37	BK090037	Từ Chí Hải	05/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
38	BK090038	Nguyễn Vĩnh Hào	29/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐC01	7,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình
39	BK090039	Nguyễn Văn Hậu	19/04/1996	Bình Định	14CĐ-NL01	6,5	7,5	6,0	6,5	Trung bình
40	BK090040	Phùng Văn Hiền	19/11/1996	Bình Định	14CĐ-ĐC01	4,5	7,0	4,0	5,0	Trung bình
41	BK090041	Huỳnh Trung Hiếu	27/08/1996	Bình Định	14CĐ-OT03	4,0	8,0	4,0	5,0	Trung bình
42	BK090042	Lưu Văn Hiếu	29/09/1995	Long An	14CĐ-ĐT02	5,0	8,0	0,0	4,5	Không đạt
43	BK090043	Trương Minh Hiếu	10/10/1995	Bình Thuận	14CĐ-CK01	4,5	7,5	0,0	4,0	Không đạt
44	BK090044	Đỗ Văn Hóa	25/12/1995	Bình Định	13CĐ-Ô1	4,0	5,5	5,0	4,5	Không đạt
45	BK090046	Ng Ngọc Quốc Hoàng	12/04/1993		14CĐ-OT05	4,0	3,5	7,0	4,5	Không đạt
46	BK090047	Trần Nhật Hoàng	06/08/1996	Bình Thuận	14CĐ-ĐC01	1,5	3,5	6,0	3,0	Không đạt
47	BK090048	Nguyễn Xuân Học	26/01/1996	Lâm Đồng	14CĐ-ĐT01	1,5	6,5	2,0	3,0	Không đạt
48	BK090049	Phan Trường Học	22/06/1995	Bình Định	14CĐ-CK01	2,0	6,5	0,0	2,5	Không đạt
49	BK090050	Trần Văn Hồng	14/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-TM01	3,5	7,5	7,0	5,5	Trung bình
50	BK090051	Trần Ngọc Huân	01/03/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-OT03	4,0	8,5	5,0	5,5	Trung bình
51	BK090052	Nguyễn Huệ	04/12/1995	Quảng Ngãi	13CĐ-TP2	4,0	8,0	5,0	5,5	Trung bình
52	BK090053	Dư Quốc Hưng	01/01/1993		14CĐ-TM01	3,0	5,5	6,0	4,5	Không đạt
53	BK090054	Đỗ Thị Cẩm Hương	10/12/1995	Bến Tre	14CĐ-MT01	3,0	5,0	5,0	4,0	Không đạt

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
54	BK090055	Huỳnh Ngọc Lan Hương	20/08/1996	Cần Thơ	14CĐ-MT01	4,5	7,0	8,0	6,0	Trung bình
55	BK090056	Nguyễn Hoàng Đức Huy	05/04/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	6,0	5,0	5,0	5,5	Trung bình
56	BK090057	Nguyễn Hữu Huy	25/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-ĐT02	2,0	5,0		2,5	Không đạt
57	BK090058	Nguyễn Quang Huy	11/10/1996	Đà Nẵng	14CĐ-OT04	3,0	4,5	5,0	4,0	Không đạt
58	BK090059	Rhàng Wang Thu Khâm	12/09/1995	Lâm Đồng	14CĐ-TM01	4,5	5,0	7,0	5,5	Trung bình
59	BK090060	Nguyễn Hoàng Phi Khanh	16/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT05	4,5	4,0	6,0	5,0	Trung bình
60	BK090061	Lê Minh Khánh	27/11/1996	Ninh Thuận	14CĐ-OT04	3,5	3,0	6,0	4,0	Không đạt
61	BK090062	Nguyễn Trọng Khoa	12/10/1996	Đồng Tháp	14CĐ-OT04	2,5	5,0	5,0	4,0	Không đạt
62	BK090063	Phạm Thanh Khoa	27/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-CK01	5,0	5,0	6,0	5,5	Trung bình
63	BK090064	Trần Đăng Khoa	15/09/1995	Tiền Giang	14CĐ-TP02	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
64	BK090065	Trần Nhật Khoa	17/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
65	BK090066	Nguyễn Trung Kiên	06/01/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT04	3,0	5,0	4,0	4,0	Không đạt
66	BK090067	Nguyễn Chí Kiệt	15/12/1995	Tiền Giang	14CĐ-ĐT02	4,0	7,0	4,0	5,0	Trung bình
67	BK090068	Vương Nguyễn Tươi Lâm	28/09/1994		14CĐ-TP02	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
68	BK090069	Lâm Văn Lộc	06/09/1996	Bình Thuận	14CĐ-NL01	2,5	5,0	5,0	4,0	Không đạt
69	BK090070	Huỳnh Hữu Long	03/08/1995	Bình Dương	14CĐ-OT04	1,5	3,5	4,0	2,5	Không đạt
70	BK090071	Nguyễn Đức Long	29/07/1995	Lâm Đồng	14CĐ-OT05	2,5	7,5	4,0	4,0	Không đạt
71	BK090072	Võ Tiến Long	10/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TM01	3,5	7,5	5,0	5,0	Trung bình
72	BK090073	Nguyễn Xuân Lượng	23/08/1990	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	4,5	8,5	7,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
73	BK090074	Bùi Văn Minh	06/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	3,5	7,0	4,0	4,5	Không đạt
74	BK090075	Đặng Công Minh	13/06/1992	Bến Tre	14CD-TP01	5,5	6,0	6,0	6,0	Trung bình
75	BK090076	Dương Triển Minh	04/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	6,0	5,5	8,0	6,5	Trung bình
76	BK090077	Lại Hoàng Minh	03/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT05	4,0	6,5	4,0	4,5	Không đạt
77	BK090078	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT03	3,5	6,0	7,0	5,0	Trung bình
78	BK090079	Nguyễn Văn Nghĩa	03/05/1996	Lâm Đồng	14CD-ĐT01	2,0	4,5	4,0	3,0	Không đạt
79	BK090080	Trần Hữu Nghĩa	24/04/1995	Long An	14CD-OT04	2,5	7,5	4,0	4,0	Không đạt
80	BK090081	Hồ Xuân Nhân	14/08/1995	Đắk Lắk	14CD-OT05	3,5	5,0	2,0	3,5	Không đạt
81	BK090082	Trương Quang Nhật	16/02/1996	Bình Thuận	14CD-ĐT01	3,5	5,0	4,0	4,0	Không đạt
82	BK090083	Lê Thị Yến Nhi	18/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-MT01	3,5	5,0	5,0	4,5	Không đạt
83	BK090084	Trần Trung Nường	15/02/1994	Bình Thuận	14CD-TP01	3,5	5,0	6,0	4,5	Không đạt
84	BK090085	Phan Văn Pháp	14/07/1996	Bình Thuận	14CD-OT03	4,0	5,0	8,0	5,5	Trung bình
85	BK090086	Nguyễn Phát	05/06/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-ĐT02	4,0	5,0	8,0	5,5	Trung bình
86	BK090087	Nguyễn Tiến Phi	04/11/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-TP01	6,0	6,0	5,0	6,0	Trung bình
87	BK090088	Lê Hồng Phong	19/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-NL01	5,5	8,0	7,0	6,5	Trung bình
88	BK090089	Kiều Thanh Phú	04/06/1996	Cần Thơ	14CD-MT01	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
89	BK090090	Ngô Thị Phúc	12/02/1995	Đắk Lắk	14CD-TP02	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
90	BK090091	Phan Anh Phúc	22/12/1994	Bình Phước	14CD-OT05	4,0	5,0	4,0	4,5	Không đạt
91	BK090092	Trần Hữu Quân	28/07/1996	Bình Thuận		4,5	5,0	8,0	5,5	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
92	BK090093	Đặng Văn Quang	03/09/1994	Yên Lạc, Vĩnh Phúc	13CĐ-CK4	4,5	5,0	4,0	4,5	Không đạt
93	BK090094	Đoàn Việt Quang	15/12/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT02	4,5	5,0	6,0	5,0	Trung bình
94	BK090095	Hồ Vũ Quát	18/03/1995	Quảng Nam	14CĐ-OT04	5,0	5,0	6,0	5,5	Trung bình
95	BK090096	Phạm Trung Quí	21/05/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	4,0	5,0	6,0	5,0	Trung bình
96	BK090097	Nguyễn Quốc Quy	24/09/1996	Long An	14CĐ-OT02					Không đạt
97	BK090098	Phạm Thị Hồng Quyên	04/03/1996	Long An	14CĐ-MT01	4,0	4,5	7,0	5,0	Trung bình
98	BK090099	Đỗ Vũ Thanh Sang	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-NL01	2,0	4,0	5,0	3,5	Không đạt
99	BK090100	Hồ Giang Sang	20/11/1996	Cà Mau	14CĐ-NL01	3,0	4,0	5,0	4,0	Không đạt
100	BK090101	Nguyễn Thanh Sang	20/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-ĐT02	2,5	5,5	6,0	4,0	Không đạt
101	BK090102	Trần Minh Sang	04/08/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-CK03	5,0	5,0	5,0	5,0	Trung bình
102	BK090103	Trương Tấn Sang	21/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,0	6,0	6,0	6,0	Trung bình
103	BK090104	Huỳnh Thế Sơn	14/04/1996	Bình Định	14CĐ-ĐT02	5,0	6,5	5,0	5,5	Trung bình
104	BK090105	Nguyễn Văn Sơn	30.01.94	Bình Thuận	12CĐ-Đ2	4,5	6,5	5,0	5,0	Trung bình
105	BK090106	Trần Quốc Sơn	21/11/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
106	BK090107	Lê Hoàng Sự	09/01/1996	Ninh Thuận	14CĐ-NL01	5,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình
107	BK090108	Nguyễn Thành Tâm	13/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình
108	BK090109	Nguyễn Lê Minh Tân	23/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	6,0	5,5	5,0	5,5	Trung bình
109	BK090110	Nguyễn Quốc Tân	08/06/1996	Bình Dương	14CĐ-OT05	4,5	4,5	7,0	5,0	Trung bình
110	BK090111	Nguyễn Thanh Tây	30/12/1996	Vĩnh Long	14CĐ-CK03	6,5	6,5	5,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
111	BK090112	Nguyễn Văn Tây	22/05/1996	Bình Định	14CĐ-TP01	5,0	6,0	7,0	6,0	Trung bình
112	BK090113	Trần Ngọc Thạch	02/07/1996	Gia Lai	14CĐ-OT04	5,5	4,5	5,0	5,0	Trung bình
113	BK090114	Đặng Minh Thắng	22/09/1996	An Giang	14CĐ-OT03	5,0	6,0	8,0	6,0	Trung bình
114	BK090115	Nguyễn Viết Thắng	27/08/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CĐ-ĐT01	5,0	7,0	3,5	5,0	Trung bình
115	BK090116	Tô Đức Thắng	14/08/1995	Kiên Giang	14CĐ-OT03	5,5	7,0	6,0	6,0	Trung bình
116	BK090117	Diệp Thái Thanh	08/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP01	5,5	8,0	8,0	7,0	Khá
117	BK090118	Dương Văn Thanh	12/08/1996	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	5,5	8,0	6,0	6,5	Trung bình
118	BK090119	Lê Đình Thành	03/09/1995	Long An	14CĐ-CK03	5,5	8,0	5,0	6,0	Trung bình
119	BK090120	Đoàn Minh Thế	17/08/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-TP02	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
120	BK090121	Lê Quang Thịnh	01/02/1996	Bình Thuận	14CĐ-OT03	3,5	6,0	4,0	4,5	Không đạt
121	BK090122	Nguyễn Tấn Thanh Thương	11/07/1996	Long An	14CĐ-OT05	5,0	7,0	6,0	6,0	Trung bình
122	BK090123	Tô Phi Thường	05/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT01	5,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình
123	BK090124	Nguyễn Viết Thuy	01/01/1994	Đồng Nai	14CĐ-NL01	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
124	BK090125	Lưu Văn Khánh Tiên	18/12/1996	Đồng Nai	14CĐ-ĐC01	5,0	5,0	7,0	5,5	Trung bình
125	BK090126	Huỳnh Trung Tiến	04/01/1996	Ninh Thuận	14CĐ-ĐT02	5,0	5,0	3,0	4,5	Không đạt
126	BK090127	Huỳnh Trọng Tín	22/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CĐ-OT03	5,5	6,5	7,0	6,0	Trung bình
127	BK090128	Nguyễn Công Tính	31/10/1995	Kiên Giang	14CĐ-TP01	5,5	5,0	7,0	6,0	Trung bình
128	BK090129	Cao Minh Toàn	25/04/1995	Quảng Ngãi	14CĐ-ĐT02	5,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình
129	BK090130	Phạm Minh Toàn	07/12/1995	Đồng Nai	14CĐ-TM01	6,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
130	BK090131	Phạm Tấn Tới	18/04/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	7,0	6,5	2,0	5,5	Không đạt
131	BK090132	Ngô Minh Trí	19/07/1996	Long An	14CD-ĐT02	7,0	6,5	6,0	6,5	Trung bình
132	BK090133	Nguyễn Minh Trí	02/10/1995	Bến Tre	14CD-NL01	6,5	6,0	4,0	6,0	Trung bình
133	BK090134	Phạm Hiền Triết	26/10/1996	An Giang	14CD-OT03	7,0	6,0	7,0	7,0	Khá
134	BK090135	Bá Quốc Khánh Trình	03/07/1995	Bình Thuận	14CD-NL01	6,5	7,0	6,0	6,5	Trung bình
135	BK090136	Lê Văn Trường	14/10/1996	Ninh Bình	14CD-NL01	4,0	5,5	7,0	5,0	Trung bình
136	BK090137	Nguyễn Xuân Trường	10/01/1996	Đồng Tháp	14CD-OT05	5,0	5,5	7,0	5,5	Trung bình
137	BK090139	Nguyễn Tú	28/02/1995	Quảng Nam	14CD-ĐT02	5,5	6,5	6,0	6,0	Trung bình
138	BK090140	Huỳnh Anh Tuấn	22/11/1996	Bình Định	14CD-ĐT01	5,5	6,5	3,0	5,0	Trung bình
139	BK090141	Lại Văn Tuấn	20/04/1996	Bình Phước	14CD-TP01	5,5	7,0	8,0	6,5	Trung bình
140	BK090142	Phạm Đình Tuấn	20/04/1996	Đồng Nai	14CD-TP01	6,5	7,0	8,5	7,0	Khá
141	BK090143	Phan Xuân Tuấn	06/01/1994	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,0	7,0	7,0	6,5	Trung bình
142	BK090144	Nguyễn Thanh Tùng	11/06/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐT02	7,0	7,0	7,0	7,0	Khá
143	BK090145	Nguyễn Khánh Văn	16/04/1996	Tiền Giang	14CD-CK03	6,5	3,5	9,0	6,5	Trung bình
144	BK090146	Trần Văn Phở Văn	20/07/1996	Tiền Giang	14CD-OT04	6,5	4,0	7,0	6,0	Trung bình
145	BK090148	Đàm Quốc Vinh	07/10/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TM01	5,5	8,0	6,0	6,5	Trung bình
146	BK090149	Lư Bảo Vinh	11/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	5,5	8,0	7,0	6,5	Trung bình
147	BK090150	Ngô Trần Nguyễn B: Vinh	29/02/1996	Đồng Nai	14CD-OT03	5,0	7,0	7,0	6,0	Trung bình
148	BK090151	Võ Văn Vinh	10/09/1996	Bình Định	14CD-OT04	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
149	BK090152	Lê Vinh Anh Vũ	15/11/1995	Quảng Ngãi	14CD-OT03	5,5	7,0	5,0	6,0	Trung bình
150	BK090153	Nguyễn Chí Vũ	01/06/1996	Bến Tre	14CD-CK03	5,5	7,5	7,0	6,5	Trung bình
151	BK090154	Nguyễn Như Ý	20/08/1995	Bình Thuận	14CD-NL01	6,0	6,0	7,0	6,5	Trung bình
152	BK090155	Trần Huy Bảo	12/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	6,5	8,0	7,0	7,0	Khá
153	BK090156	Trần Huỳnh Phát Đạt	18/01/1995	Tây Ninh	14CD-OT03	6,5	7,0	5,0	6,5	Trung bình
154	BK090157	Trần Minh Hiếu	13/05/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	6,5	7,5	7,0	7,0	Khá
155	BK090158	Lê Đăng Khoa	19/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	7,0	8,5	8,0	7,5	Khá
156	BK090159	Lê Võ Như Long	21/10/1995	Long An	14CD-TP01	5,0	7,0	8,5	6,5	Trung bình
157	BK090160	Phan Thanh Nhật	25/05/1995	Gia Lai	14CD-OT03	5,5	7,0	7,0	6,5	Trung bình
158	BK090161	Nguyễn Phúc Thịnh	10/08/1995	Ninh Thuận	14CD-TP01	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình
159	BK090162	Trần Thiện Thịnh	08/05/1996	Quảng Nam	14CD-OT03	6,0	4,0	5,0	5,5	Trung bình
160	BK090163	Nguyễn Văn Hoài Thương	05/09/1996	Vĩnh Long	14CD-TP01	5,0	4,5	8,0	5,5	Trung bình
161	BK090164	Phan Minh Trí	10/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT03	4,5	4,5	5,0	4,5	Không đạt
162	BK090165	Lê Hữu Ý	18/06/1996	An Giang	14CD-OT03	4,5	4,5	6,0	5,0	Trung bình
163	BK090166	Nguyễn Ngọc Thiện	21/02/1996	Bình Định	14CD-OT03	5,0	4,5	7,0	5,5	Trung bình
164	BK090167	Nguyễn Công Khải	20/06/1996	Đắk Lắk	14CD-OT03	5,5	4,0	7,0	5,5	Trung bình
165	BK090168	Nguyễn Ngọc Tài	01/08/1995	Đồng Nai	13CD-Ô2	4,5	4,5	7,0	5,0	Trung bình
166	BK090169	Nguyễn Trần Đạo Hưng	04/11/1996	Bình Thuận	14CD-OT01	5,0	4,5	5,0	5,0	Trung bình
167	BK090170	Nguyễn Hùng Hay	12/03/1996	Bình Định	14CD-OT01	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm Đọc+Viết	Điểm Nghe	Điểm Nói	Kết quả	Xếp loại
168	BK090171	Nguyễn Hữu Thành	31/05/1996	Lâm Đồng	14CD-OT04	5,0	4,0	6,0	5,0	Trung bình
169	BK090172	Lê Ngọc Tuyển	25/08/1994	Bình Thuận	14CD-TP01	5,5	4,5	6,0	5,5	Trung bình
170	BK090173	Trần Minh Hiếu	07/12/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐC01	5,0	3,0	7,0	5,0	Trung bình
171	BK090174	Huỳnh Văn Tuấn	21/01/1996	Bình Thuận	14CD-NL01	5,0	3,5	6,0	5,0	Trung bình
172	BK090175	Nguyễn Hoàng Việt	30/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TM01	5,5	3,0	6,0	5,0	Trung bình
173	BK090176	Trần Thanh Vũ	31/08/1996	Bình Thuận	14CD-OT03	5,0	4,5	6,0	5,0	Trung bình
174	BK090177	Đỗ Linh Kha	12/12/1994	Tiền Giang	13CD-CK3	5,0	3,5	7,0	5,0	Trung bình
175	BK090178	Nguyễn Đình Huy	02/10/1995	Bắc Ninh	14CD-OT05	5,5	4,0	6,0	5,5	Trung bình
176	BK090179	Nguyễn Ngọc Huy	08/08/1995	Bình Phước	14CD-OT02	4,0	4,0	5,0	4,5	Không đạt

Tổng cộng danh sách có 176 thí sinh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc